

Bản án số: 29/2021/HS-ST.

Ngày: 13.7.2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: P. T. L;

2. Ông: Đ. H. L;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* bà N. T. . T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 13.7.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2021/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/ngày 30.6.2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **V.V.P**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20.10.1967 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Con ông: V.N, SN: 1948 (Chết) và bà: T.T.M, SN: 1948; Vợ: P.T.H.T, SN: 1971, Con: 02 người, lớn nhất SN: 1993 và nhỏ nhất SN: 1994; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/3/2017 bị UBND huyện A, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 492/QĐ-XPVPHC; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.3.2021 đến ngày 29/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **H.V.H**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 25.3.1970 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: H.T, SN: 1930 (Chết) và bà: T.T.N, SN: 1934 (Chết); Vợ: P.T.N, SN: 1971, Con: 06 người, lớn nhất SN: 1992 và nhỏ nhất SN: 2004; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/3/2017 bị UBND huyện A, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép theo Quyết định số 501/QĐ-XPVPHC; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.3.2021 đến

ngày 29/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **V.Đ.T**, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03.6.1970 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Con ông: V.V.S, SN: 1950 (Liệt sĩ) và bà: Đ.T.T, SN: 1952; Vợ: P.T.H, SN: 1972, Con: 04 người, lớn nhất SN: 1993 và nhỏ nhất SN: 2009; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26.3.2021 đến ngày 29/3/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
+ Ông P.Đ.T, SN: 1958; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26/3/2021, V.V.P, H.V.H, V.Đ.T đến uống cà phê tại quán Nam Khải Phát ở thôn K, xã C, huyện A thì V.V.P rủ H.V.H và V.Đ.T đến nhà P.Đ.T sinh năm 1958 ở thôn K, xã C, huyện A đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài câu cá tính điểm thì cả hai đồng ý. Trên đường đi, H.V.H ghé về nhà lấy 01 bộ bài, V.Đ.T vào tiệm tạp hóa mua 02 bộ bài tây 52 lá. Khi đến nhà P.Đ.T, thấy cửa nhà mở, trong nhà không có người, cả ba tự ý vào phòng khách sử dụng 01 bộ bài đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài câu cá tính điểm với quy ước như sau: Các đối tượng lấy bộ bài tây 52 lá chia cho mỗi người 7 lá, rồi lật ra 10 lá bài từ bộ bài còn lại; người chia bài được ghép trước theo quy luật tổng 10 điểm (như quân 2 với 8, 3 với 7,...) hoặc các quân bài tương ứng từ 10 trở lên (như quân 10 với 10, J với J,...) từ bài trên tay người chơi và quân bài được lật, nếu không có bài ghép thì bỏ ra một lá bài trên tay và lật một lá từ bộ bài còn lại, nếu không có bài ghép thì qua lượt. Các bên ghép bài lần lượt đến khi hết bộ bài thì bắt đầu tính điểm, chỉ những quân bài màu đỏ mới được tính, các quân đỏ từ 10 trở lên thì tính là 10 điểm, riêng quân A màu đỏ thì tính là 20 điểm. Ai điểm cao hơn là người chiến thắng, số tiền thắng bằng: (số điểm người thắng – 70 điểm) x 5.000 đồng; Nếu có người thắng trên 70 điểm mà có người không có điểm thì người đó phải chung cho người thắng tương ứng 10.000 đồng/1 điểm; người thắng trên 105 điểm thì hai người còn lại thua tương ứng 10.000 đồng/1 điểm.

Quá trình đánh bạc, V.Đ.T mang theo và sử dụng 2.100.000 đồng để đánh bạc, H.V.H mang theo 3.300.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng và V.V.P mang theo 6.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 3.000.000 đồng để cùng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 6.100.000 đồng.

Các đối tượng đánh bạc từ khoảng 11 giờ 30 phút đến 15 giờ 15 phút ngày 26/3/2021 thì bị tổ công tác Công an huyện A phối hợp với Công an xã C phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng: Tạm giữ 03 bộ bài tây 52 lá bài, số tiền 6.100.000 đồng trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS, ngày 02.6.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58 BLHS để xử các bị cáo V.V.P, H.V.H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo V.Đ.T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Vì muốn tước đoạt tiền bạc của nhau nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26.3.2021, V.V.P, H.V.H, V.Đ.T cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài câu cá tính điểm được thua

bằng tiền tại nhà P.Đ.T ở thôn K, xã C, huyện A. Trong lúc các con bạc đang sát phạt nhau thì bị cơ quan CSĐT Công an huyện A bắt quả tang với tổng số tiền đánh bạc trên chiếu bạc là 6.100.000 đồng.

Trong vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn tham gia đánh bạc sát phạt lẫn nhau, để được thắng thua bằng tiền một cách trái pháp luật.

Hành vi của V.V.P, H.V.H, V.Đ.T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống lành mạnh của cộng đồng dân cư và làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T phạm tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải. Tất cả các bị cáo đánh bạc đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn. Đó là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo V.Đ.T là con của liệt sĩ, chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý hành chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

Xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt việc đánh bạc chỉ là bộc phát phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với P.Đ.T, khi các bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc thì tại thời điểm đó P.Đ.T không có ở nhà và không được thu lợi bất chính từ việc đánh bạc. Do đó, hành vi của P.Đ.T không cấu thành tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.100.000 đồng đã được thu giữ trong vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo V.V.P, H.V.H, V.Đ.T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng:

2.1.Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo V.V.P **09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ**, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành $(3 \times 3) = 09$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là **08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ**.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Võ Văn Phụng cho UBND xã C, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.2.Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36 BLHS để xử phạt bị cáo H.V.H **09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ 03 ngày tạm giữ quy đổi thành $(3 \times 3) = 09$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là **08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ**.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Huỳnh Văn Hóa cho UBND xã C, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17 BLHS để xử phạt bị cáo V.Đ.T **06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ** được trừ 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành $(3 \times 3) = 09$ ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành **05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ**.

Thời gian chấp hành tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo V.Đ.T cho UBND xã C, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xét thấy các bị cáo không xác định được thu nhập ổn định hàng tháng nên không bị khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1.Trách nhiệm dân sự: Không.

3.2.Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.100.000 đồng đã được thu giữ trong vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng tất cả vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo V.V.P, H.V.H và V.Đ.T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5.Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- CA huyện A(02b);
- VKSND huyện A (02b);
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L